

# VẬN DỤNG LÝ THUYẾT NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN TRONG VIỆC TIẾP CẬN BÀI THƠ “SÓNG” (XUÂN QUỲNH) CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TS. PHẠM THỊ ANH\*

**Abstract:** Emotion conceptual metaphor, including love conceptual metaphor is one of the problems that cognitive linguistics researches into. Approaching “Song” enable us to have a newer insight into creativity in using words, which creating a unique beauty of Xuan Quynh’s poetry. Love is concretized through the concepts: love is a journey; love is reflections, concerns; love is a desire to connect with people... In each conceptual metaphor, the concept “Destination love” is made clear by some aspects of the concept “Source”. Consequently, each conceptual metaphor in the poem is a irradiation to depict the heart of a woman in love, make love sacred.

**Keywords:** Cognitive linguistics. metaphorical expression.

**T**rong những năm gần đây, ngôn ngữ học tri nhận ra đời và phát triển đã tạo ra cách tiếp cận ngôn ngữ mới. Đó là xu hướng chuyển từ khảo sát ngữ liệu quan sát trực tiếp sang nghiên cứu cả những vấn đề không quan sát được của con người như trí tuệ, văn hoá, ý niệm, tri thức, niềm tin, tín ngưỡng,... Một trong những địa hạt được các nhà ngôn ngữ học tri nhận quan tâm là các ẩn dụ ý niệm tình cảm mà trong đó ẩn dụ ý niệm tình yêu có tính đặc thù riêng.

Xuân Quỳnh là một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ Việt Nam hiện đại nói chung, thơ tình yêu nói riêng. Thơ Xuân Quỳnh lấp lánh một vẻ đẹp riêng, đặc biệt là cách biểu đạt về cái “tôi” chân thành nhưng mãnh liệt. Một trong những yếu tố ngôn ngữ tạo nên cái tôi rất riêng ấy là việc dùng ẩn dụ ý niệm để thể hiện quan niệm về tình yêu. Bài thơ **Sóng** tiêu biểu cho ẩn dụ ý niệm ấy, đồng thời cũng định hướng cho cách tiếp cận bài thơ từ một góc nhìn khác - góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận.

## 1. Ẩn dụ và ẩn dụ ý niệm

Ẩn dụ là vấn đề không mới, được nghiên cứu và giảng dạy trong nhà trường từ rất lâu. Trong ngôn ngữ học truyền thống, ẩn dụ được xem xét trên hai phương diện, thứ nhất là đối tượng nghiên cứu của từ vựng học như một phương thức chuyển nghĩa; thứ hai là đối tượng nghiên cứu của phong cách học, ẩn dụ được xem một biện pháp tu từ. Nhìn chung, khái niệm ẩn dụ được hiểu là *phương thức chuyển đổi tên gọi dựa trên quan hệ liên tưởng tương đồng*. Đó là cách so sánh ngầm giữa hai sự vật khi có điểm giống nhau nào đó về hình dáng, màu sắc, kích thước...;

Ẩn dụ tri nhận là “một trong những hình thức ý niệm hoá, một quá trình tri nhận có chức năng biểu

hiện và hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể nhận được tri thức mới” (1; tr 293). Ẩn dụ là một cơ chế tri nhận mà nhờ đó, những tri giác liên tục, tương tự đã trải qua quá trình phạm trừ hóa được đánh giá lại trong những bối cảnh ý niệm mới. Ẩn dụ tri nhận hướng tới khả năng tác động vào lĩnh vực trí tuệ của con người.

Như vậy, ẩn dụ là công cụ tri nhận, là hiện tượng ý niệm, là các quá trình ý niệm. Cũng theo các nhà ngôn ngữ học tri nhận, cơ chế của ẩn dụ ý niệm là “*ý niệm tại miền đích được hiểu thông qua ý niệm tại miền nguồn*”. *Quan hệ giữa miền nguồn và miền đích là quan hệ chiếu xạ, nghĩa là nội dung ý niệm tại miền đích được ánh xạ từ miền nguồn*” (1; tr 139). Ẩn dụ ý niệm tồn tại trong đời sống hằng ngày, trong tư tưởng và hành động của con người. Ý niệm vốn dĩ là cái rất trừu tượng và nó được biểu đạt thông qua ngôn ngữ. Những ý niệm vô hình như thời gian, mục đích, tình yêu,... được thể hiện qua các biểu ngữ ẩn dụ thông qua các chủ đề mang tính ẩn dụ.

Ví dụ: Tình yêu trong thơ Nguyễn Bính thường được thể hiện qua khát vọng hướng đến hôn nhân với các ẩn dụ ý niệm như: *thôn Đoài - thôn Đông; trâu - cau*... Đó là những ẩn dụ ý niệm gắn liền với bản sắc văn hóa dân tộc, một vẻ đẹp rất chân quê. Trong khi đó, tình yêu trong thơ Xuân Diệu lại luôn gắn liền với những ham hố, với khát vọng gắn liền với nhục cảm, với những mát mát, qua các ẩn dụ ý niệm như: *đôi đầu - đôi ngực; mái tóc, mình em - chân anh; biển nghiêng nát bờ em*...

**2. Ẩn dụ ý niệm trong bài thơ “Sóng” (Xuân Quỳnh).** **Sóng** là một trong những bài thơ nổi tiếng

\* Trường Đại học Hồng Đức

của Xuân Quỳnh ở đề tài tình yêu. Theo Lưu Khánh Thơ, “trong gia tài của những đôi lứa yêu nhau, khó mà thiếu đi được hai bài thơ “Sóng” và “Thuyền và biển” của Xuân Quỳnh”. Bài thơ ra đời vào năm 1967, in trong tập “**Hoa dọc chiến hào**” (1968). Bao trùm bài thơ là hình tượng sóng - sự hóa thân, nhập thân của cái “tôi” của Xuân Quỳnh nói riêng, là tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu nói chung. Tiếp cận bài thơ dưới góc nhìn của ẩn dụ ý niệm, theo chúng tôi, bao gồm các nội dung (chủ đề) sau: *tình yêu là cuộc hành trình; tình yêu là những suy tư, trăn trở, ghênh thác* và *tình yêu là khát vọng hòa đồng*.

**2.1. Ý niệm “tình yêu là cuộc hành trình”.** Trong ẩn dụ ý niệm *tình yêu là cuộc hành trình*, **miền Nguồn** có những yếu tố đặc trưng: người tham gia, đường đi, phương tiện, đích đến... Những đặc trưng này được chiếu xạ cho **miền Đích** là tình yêu. Miền đích này hết sức trừu tượng, và vì thế, cần phải được cụ thể hóa bằng ngôn ngữ. Nhưng, ngôn ngữ được các nhà thơ sử dụng để biểu đạt ý niệm ấy lại mang phong cách riêng của từng tác giả, đồng thời cũng in đậm bản sắc văn hóa của từng dân tộc. Trong bài thơ **Sóng**, ý niệm *tình yêu là cuộc hành trình* gắn liền với các yếu tố đặc trưng: người tham gia (anh và em, những đôi lứa yêu nhau), có điểm đi và điểm đến từ *sông* - không gian nhỏ hẹp đến *bể* - không gian rộng lớn mênh mông; có phương tiện, có trắc trở dọc đường (thời gian, sự phối pha nhan sắc, sự suy biến của lòng người...); có thời gian, có đích đến (biển cả bao la, là *anh*).

Cuộc hành trình trong bài thơ, qua những ẩn dụ ý niệm này, được Xuân Quỳnh tái hiện lại mang dáng dấp của ngôn ngữ tự sự, như là truyền thuyết về tình yêu. Truyền thuyết ấy kể lại rằng: ngày xưa, sóng vốn ở trên mặt đất liền. Nhưng vì sông quá chật hẹp “*sông không hiểu nổi mình*”, sóng đã “*tìm ra tận bể*”. Ra đến biển, con sóng ở lại biển mãi mãi nhưng vì nhớ bờ, con sóng lại đêm ngày tìm về bờ bến cũ: “*Lòng em nhớ đến anh/Cả trong mơ còn thức*”. Kết thúc của cuộc hành trình - cuộc hành trình trở về với chính mình, với những khát vọng và đam mê cháy bỏng là sự hòa nhập của sóng - bờ, đồng thời cũng là của anh - em: “*con nào cũng tới bờ*”, “*... được tan ra/Thành trăm con sóng nhỏ/Giữa biển lớn tình yêu/Để ngàn năm còn vỗ*”.

Như vậy, ý niệm *tình yêu là cuộc hành trình* trong bài thơ **Sóng** của Xuân Quỳnh vừa có những điểm tương đồng với Xuân Diệu lại vừa có những điểm khác biệt, in đậm dấu ấn riêng của một nhà thơ nữ, chân thành nhưng mãnh liệt, táo bạo. Ở Xuân Diệu, hành trình của tình yêu dù vẫn có những yếu tố đặc trưng (người đi, điểm đến, phương tiện, thời gian, những

trắc trở trên đường đi) nhưng đó là một tình yêu hoàn toàn khác, gắn liền với những khao khát được tận hưởng (*Cho đến mãi muôn đời/Anh mới thôi dào dạt*); quan trọng hơn, là luôn gắn liền với nhục cảm (*Bằng lời riêng nơi cuối mắt đầu mày/Bằng đầu ngả, miêng cười, tay riết/Hãy sát đôi đầu/Hãy kể đôi ngực/Hãy trợn nhau đôi mái tóc ngắn dài*). Hành trình của tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh dẫu vượt qua “*muôn vơi cách trở*” nhưng vẫn tràn đầy niềm tin “*Con nào chẳng tới bờ*”. Còn ở Xuân Diệu, hành trình ấy luôn gắn liền với mất mát, sự thiếu hụt (*Lòng ta là một cơn mưa lũ/Đã gặp lòng em là lá khoai*).

**2.2. Ý niệm “tình yêu là những suy tư, trăn trở, ghênh thác”.** Xuân Quỳnh vốn là nhà thơ luôn không muốn chấp nhận sự thật như nó vốn có, luôn mong muốn tìm về gốc rễ, cội nguồn của mọi vấn đề. Dẫu đó là nhà thơ “*tự hát*”, tự bạch lòng mình để tìm sự sẻ chia, và cũng là để nói hộ tình cảm của bao người thì vẫn là nhà thơ luôn trăn trở, luôn đặt ra những giả thiết để khẳng định, để hiểu chính mình (*Nếu mai đây em không làm thơ nữa*). Ở bài thơ **Sóng**, tình yêu là cuộc hành trình nhưng đó cũng là hành trình đầy bão dông. Ý niệm *tình yêu là những suy tư, trăn trở, ghênh thác* được gắn liền với sóng. Bởi, sóng là một hiện tượng của tự nhiên, vốn dĩ đã chứa đựng trong đó bao bất ngờ, khó hiểu. Nó cũng giống như tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu vậy, dù yêu, vẫn luôn có nhu cầu được hỏi, được lí giải, được phân tích (*Trước muôn trùng sóng bể/Em nghĩ về anh, em/Em nghĩ về biển lớn/ Từ nơi nào sóng lên?/Gió bắt đầu từ đâu/Em cũng không biết nữa/Khi nào ta yêu nhau?*).

Tình yêu luôn đối diện với những thử thách. Với Xuân Quỳnh nói riêng, với những người phụ nữ nói chung, thử thách ấy trước hết là thời gian. Ý niệm *tình yêu là những suy tư, trăn trở, ghênh thác* còn được nhà thơ thể hiện qua những suy tư về mối quan hệ giữa cái hữu hạn và vô hạn, giữa cuộc đời và năm tháng (**Cuộc đời tuy dài thế/Năm tháng vẫn đi qua/Như biển kia dẫu rộng/Mây vẫn bay về xa**).

Thời gian là bất biến, là vĩnh hằng nhưng thời gian cũng luôn nghiệt ngã đối với con người, đặc biệt là với người phụ nữ. Cảm thức về thời gian, với Xuân Quỳnh, vì thế thường gắn liền với cái phối phai, biến suy của nhan sắc và sự đổi thay của lòng người. Trong bài thơ “**Chỉ có sóng và em**”, Xuân Quỳnh cũng đã viết: “*Gọi ngàn lần tên anh vẫn là không/Chỉ gió thổi mây bay về phía núi/Điều thương nhớ ngàn lần em muốn nói/Nhưng bây giờ chỉ có sóng và em*”. Những dự cảm lo âu, khắc khoải ấy còn đeo bám Xuân Quỳnh mãi sau này: “*Lời yêu mỏng mảnh như màu khói/Ai*

biết lòng anh có đổi thay?"; "Em đâu dám nghĩ tình yêu là vĩnh viễn/Hôm nay yêu mai có thể xa rồi",...

Cuộc đời rất dài (*Cuộc đời tuy dài thế*) nhưng rồi cũng qua đi (*Năm tháng vẫn đi qua*), nó cũng giống như quy luật vận động của tự nhiên: vô cùng rộng như biển vậy những đâu có dung chứa nỗi *mây* (*Như biển kia dẫu rộng/Mây vẫn bay về xa*). Ở đây, ý niệm *tình yêu là những suy tư, trăn trở, ghềnh thác* đã được Xuân Quỳnh thể hiện qua cách nhìn - ý niệm *thời gian là sự di chuyển*. Thời gian được hiểu là một đối tượng chuyển động, được thể hiện qua các động từ: *đi, qua, bay, về*. Con người chuyển động trong thời gian, như một quy luật tất yếu, qua các cặp từ chỉ quan hệ: *tuy - vẫn; dẫu - vẫn*.

Điều đó khiến thơ tình yêu của Xuân Quỳnh mặc dù vẫn là thơ của nữ giới nhưng vẫn có những đặc điểm riêng. Không bạo liệt chua chát, đáo đả như Hồ Xuân Hương; không e ấp như Phan Thị Thanh Nhàn; không nông nổi đại khờ như Đoàn Thị Lam Xuyên..., trái tim của Xuân Quỳnh vừa nồng nhiệt, bạo dạn, vừa dịu dàng, đắm thắm, lại vừa có cái điểm tĩnh, sâu sắc của một người từng trải, biết chấp nhận cái hữu hạn của cuộc đời.

**2.3. Ý niệm tình yêu là khát vọng hòa đồng.** Vấn đề, ý niệm tình yêu là khát vọng hòa đồng là bản chất của tình yêu. Tuy nhiên, ý niệm ấy được mỗi nhà thơ diễn đạt khác nhau, tạo nên cá tính sáng tạo riêng của từng tác giả. Với Nguyễn Bính, khát vọng hòa nhập là sự mong muốn một tình yêu gắn liền với hôn nhân, như mối quan hệ giữa trâu - cau; thôn Đoài - thôn Đông (*Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào - Tương tư*). Với Xuân Diệu, ý niệm *tình yêu là khát vọng hòa đồng* lại là những ham muốn rất nhục cảm, táo bạo (*Đã hôn rồi hôn lại/Cho đến mãi muôn đời/Đến tan cả đất trời/Anh mới thôi dào dạt - Biển*).

Ở Xuân Quỳnh, ý niệm *tình yêu là khát vọng hòa đồng* trong bài thơ **Sóng** được thể hiện qua **miền Nguồn** (đối tượng: anh, em; cách thức: nỗi nhớ, sự hòa nhập...). Những đặc trưng này cũng được chiếu xạ bởi **miền Đích** là tình yêu. Ý niệm này được thăng hoa trong suốt bài thơ với nhiều cách diễn đạt khác nhau.

Trước hết, khát vọng ấy được diễn đạt bởi sự tương đồng giữa *sóng* và *em*. Mỗi đặc tính tâm trạng của em - người phụ nữ trong tình yêu. *Sóng* là ẩn dụ của tâm trạng người phụ nữ trong tình yêu với những cung bậc, những sắc thái khác nhau. Tuy nhiên, trong bài thơ này, mỗi đặc tính của sóng đều có thể tìm thấy sự tương đồng với một khía cạnh tâm hồn của người phụ nữ đang yêu được hiện diện qua nhân vật trữ tình "em". Vì thế, *sóng* và *em* là hai nhân vật trữ tình chạy

suốt cả bài thơ. Hai nhân vật này tuy hai mà một, có lúc tách đôi ra để soi chiếu vào nhau, nhưng có lúc lại hoà nhập làm một để làm nổi bật sự tương đồng, sự âm vang cộng hưởng.

Khát vọng hòa nhập này còn được thể hiện qua âm điệu bài thơ. Đó là âm hưởng triền miên, liên tiếp, vô hồi, vô tận của những con sóng trên biển cả mênh mông. Nhưng đó cũng chính là âm điệu của một nỗi lòng đang khao khát tình yêu, đang rung lên đồng điệu với sóng biển, đồng điệu đến mức không thể nào phân biệt cho rõ ràng, đâu là nhịp của sóng thực và đâu là nhịp của tâm hồn thi sĩ. Xuân Quỳnh đã mượn nhịp sóng để thể hiện nhịp lòng của chính mình trong một tâm trạng bùng cháy mãnh liệt ngọn lửa của tình yêu, không chịu yên định mà đầy những biến động và khao khát. Khát vọng hòa nhập là cách thức duy nhất để khắc phục quy luật nghiệt ngã của thời gian, khiến tình yêu trở nên vĩnh hằng (*Làm sao được tan ra/Thành trăm con sóng nhỏ/Giữa biển lớn tình yêu/Để ngàn năm còn vỗ*). Dẫu biết rằng, thời gian luôn nghiệt ngã với người phụ nữ, nhưng như một bản năng, Xuân Quỳnh ra sức níu giữ, bằng trái tim yêu: "*Khi anh vắng bàn tay em biết nhớ/Lấy thời gian đan thành áo mong chờ/Lấy thời gian em viết những dòng thơ/Để thấy được chúng mình không cách trở (Bàn tay em)*,...

\* \* \*

Lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận, trong đó có ẩn dụ ý niệm đã tạo nên một cách nhìn mới về chiều sâu của tâm hồn con người được thể hiện qua các biểu thức ngôn ngữ. Ý niệm *tình yêu là cuộc hành trình; tình yêu là những suy tư, trăn trở, ghềnh thác và tình yêu là khát vọng hòa đồng* chính là những chủ đề được Xuân Quỳnh thể hiện qua bài thơ **Sóng**. Trong mỗi ẩn dụ ý niệm - chủ đề ấy, miền ý niệm **Đích tình yêu** được làm sáng tỏ bởi một số phương diện của miền ý niệm **Nguồn**. Vì thế, mỗi ẩn dụ ý niệm trên trong bài thơ là một sự chiếu xạ khắc họa trái tim của một người phụ nữ đang yêu, biết đập những nhịp đập cho tình yêu, và "*biết yêu anh cả khi chết đi rồi*" (**Tự hát** - Xuân Quỳnh). □

(1) Trần Văn Cơ. **Ngôn ngữ học tri nhận**. NXB Khoa học Xã hội, H. 2007.

#### Tài liệu tham khảo

1. Lý Toàn Thắng. "Ngôn ngữ học tri nhận". Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 9/2009.
2. Nguyễn Đức Tôn. "Bản chất của ẩn dụ". Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 11/2007.
3. Trần Đình Sử (tổng chủ biên). **Ngữ văn 12** (nâng cao) tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2014.